

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 -2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thanh Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Ký và bà Nguyễn Thị Liên.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Văn Đức- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

*- Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXX - ST ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Mai Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Mai Văn T tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/6/2014. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi cọ, xúc phạm lẫn nhau. Chị K và anh T sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến

nhau, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Văn T.

Về con chung: Chị K khai vợ chồng có một con chung, cháu tên là Mai Thị Hà M, sinh ngày 30/01/2015. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Hà M ở với anh T. Chị K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà M, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị K làm nhân viên văn phòng tại Công ty cổ phần DBK-ECO thu nhập hàng tháng bình quân khoảng 25.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai đề ngày 09/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Mai Văn T trình bày: Giữa anh và nguyên đơn là chị Nguyễn Thị K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 16/6/2014. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị K thường xuyên đi chơi về muộn, không quan tâm đến chồng con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng nhạt dần. Anh T và chị K sống ly thân từ tháng 06 năm 2016 cho đến nay. Nay chị K đề nghị toà án giải quyết ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh T khai, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Mai Thị Hà M, sinh ngày 30/01/2015, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Hà M ở với anh T. Anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà M, không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện tại anh T làm nhân viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và bóc xếp H thu nhập hàng tháng khoảng 11.000.000 đồng nên đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Mai Văn T đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị K, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Thị Hà M không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Mai Văn T; Giao cháu Hà M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự

nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Mai Văn T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên thuộc trường hợp Tòa án không tiến hành hoà giải được vụ án, quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị K vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị K là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Mai Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Kết quả xác minh ngày 20/3/2020 cũng cho thấy, anh T và chị K sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Một thời gian dài vợ chồng không còn sống chung và không quan tâm đến nhau, chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị K được ly hôn anh T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị K và anh T thừa nhận, vợ chồng có một con chung, cháu tên là Mai Thị Hà M, sinh ngày 30/01/2015. Hiện tại cháu Hà M đang ở với anh T, để tránh xáo trộn về tâm, sinh lý và việc học tập của cháu nên giao cháu Hà M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Mai Văn T về việc không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

[4]. Về tài sản: Chị K và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83; khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Mai Văn T.

2. Về con chung: Công nhận cháu Mai Thị Hà M, sinh ngày 30/01/2015 là con chung của chị K và anh T. Giao cháu Mai Thị Hà M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Chị K có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị K đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0009060 ngày 21/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị K đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Mai Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Trịnh Thanh Hương**